

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HC-PT

Ngày: 13/4/2023

V/v *khieux kiện QĐ giải quyết
khieux nại*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh T.

Các thẩm phán:

1. Bà Mai Vân A.

2. Ông Nguyễn Anh D.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh T. - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông Nguyễn Minh H.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2023/TLPT-HC ngày 12/1/2023 về việc khieux kiện quyết định giải quyết khieux nại.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 03/2022/HC-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2023/QĐPT-HC ngày 22/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/QĐPT-HC ngày 04/4/2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1967.

Trú tại: Số nhà 18, xóm TD 5, thôn 1, xã Đ, huyện T, TP Hà Nội. (Có mặt).

2. Người bị kiện: Chủ tịch UBND xã Đ, huyện T, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: xã Đ, huyện T, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Bà Lê Thị Hồng T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ là người đại diện theo pháp luật của người bị kiện.

Ông Phạm Hải H, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã Đ là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (Giấy ủy quyền số 01/UBND-GUQ ngày 08/11/2021 về việc ủy quyền tham gia tố tụng). (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 UBND xã Đ, huyện T, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: xã Đ, huyện T, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Bà Lê Thị Hồng T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ là người đại diện theo pháp luật của người bị kiện.

Ông Phạm Hải H, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã Đ là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (Giấy ủy quyền số 01/UBND-GUQ ngày 08/11/2021 về việc ủy quyền tham gia tố tụng). (Có mặt).

3.2 Ông Trần Văn H, sinh năm 1965.

Trú tại: Thôn 1, xã Đ, huyện T, Thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/11/2021, đơn đề nghị ngày 12/12/2021, đơn đề nghị ngày 06/6/2022 và ý kiến trong quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện – Bà Nguyễn Thị C trình bày:

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, UBND xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội ban hành văn bản số 111/UBND-ĐC gửi Chi cục Thuế huyện T để giải quyết khiếu nại lần đầu của bà C. Kết quả Chi cục Thuế huyện T ban hành Quyết định số 11824/QĐ-CCT ngày 31/10/2019 về việc giải quyết khiếu nại của bà C. về thông báo nộp thuế đất phi nông nghiệp lần 1 của ông Trần Văn H chủ sử dụng 81m² diện tích chịu thuế.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020, Chủ tịch UBND xã Đ ban hành Quyết định số 13/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà C. về thửa đất số 61 (2) tờ bản đồ số 23 diện tích 81m² mục đích đất ở thuộc đối tượng phải nộp thuế phi nông nghiệp hàng năm. Nay bà C. đề nghị hủy Quyết định số 13/QĐ-UBND vì có dấu hiệu trái pháp luật khi xác nhận nguồn gốc đất thổ cư, xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị C.

Ngoài ra, bà C. có yêu cầu Tòa án buộc UBND xã Đ xác nhận rõ nguồn gốc chủ sử dụng đất giao theo Nghị định 64/NĐ-CP cũng như cung cấp tài liệu hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất: Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 11, diện tích 1023m² tại xứ đồng V; Thửa đất số 405, tờ bản đồ số 10, diện tích 423m² tại xứ Đ để ông bà làm thủ tục xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà C cam kết không khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần 2.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã Đ, huyện T trình bày:

Ngày 03/12/2019 UBND xã Đ nhận được đơn khiếu nại đơn đề ngày 03/12/2019 của bà Nguyễn Thị C. nội dung lập danh sách truy thu người phải nộp thuế trái với quy định của pháp luật, không đúng vị trí, không đúng trục đường.

Ngày 23/12/2019 UBND xã đã ban hành thông báo số 131/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu. Ngày 26/12/2019 UBND xã ban hành Quyết định số 155/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại. Sau khi có báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại. Chủ tịch UBND xã Đ đã ban hành Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị C.

Quan điểm của chủ tịch UBND xã Đ: Giữ nguyên Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 30/01/2020, việc bà Nguyễn Thị C. ông Trần Văn H khiếu nại UBND xã Đ lập danh sách truy thu người nộp thuế trái quy định của pháp luật, không đúng vị trí, không đúng trục đường, không đúng mục đích sử dụng là sai; thửa đất số 61(2), tờ bản đồ số 23, diện tích 81m² mục đích sử dụng là đất ở thuộc đối tượng phải đóng thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: căn cứ khoản 1, Điều 2 Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12; căn cứ khoản 2 Điều 4 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12; căn cứ Điểm a, khoản 2, điều 10 Luật đất đai 2013.

Chủ tịch UBND xã Đ giữ nguyên Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 20/01/2020. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên khởi kiện ông Trần Văn H thống nhất ý kiến với bà C. và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 03/2022/HC-ST ngày 19/8/2022, Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C. đề nghị hủy Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của Chủ tịch UBND xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị C.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/8/2022, bà Nguyễn Thị C. có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã Đ và UBND xã Đ giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán và HĐXX tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đương sự đã thực hiện tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị C. làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp dự phí kháng cáo hợp lệ.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị C., giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí, bà Nguyễn Thị C. phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 26/7/2020, bà Nguyễn Thị C. làm đơn khởi kiện đối với quyết định hành chính của Chủ tịch UBND xã Đ. Yêu cầu khởi kiện của bà C. trong thời hiệu và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ Điều 28, Điều 29 Luật tố tụng hành chính năm 2010; khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Ngày 19/8/2022, Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm và tuyên án. Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 26/8/2022, bà C. đã nộp đơn kháng cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính và đã nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa lần 2. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Văn H.

[2] Xét phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị C. có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Căn cứ Điều 220 Luật tố tụng hành chính, phạm vi xét xử phúc thẩm là toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 03/2022/HC-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện T. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính là đối tượng khởi kiện của vụ án gồm: Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 30/01/2020 của UBND xã Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị C. và ông Trần Văn H (lần đầu); Hành vi của UBND xã Đ xác nhận nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất theo yêu cầu của gia đình bà C.

[3] Xét Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 30/01/2020 của UBND xã Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị C. và ông Trần Văn H (lần đầu), nhận thấy:

Xét về thẩm quyền ban hành quyết định, Chủ tịch UBND xã Đ ban hành Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 30/01/2020 đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 17 Luật khiếu nại.

Xét về trình tự ban hành quyết định, ngày 23/12/2019, UBND xã Đ đã thụ lý đơn khiếu nại của ông H và bà C. và tiến hành xác minh nội dung khiếu nại. Căn cứ vào báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại, Chủ tịch UBND xã Đ ban hành Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 30/01/2020 về việc giải quyết đơn khiếu nại là đúng trình tự, thủ tục. Về hình thức, Quyết định được lập thành văn bản theo đúng quy định.

Xét nội dung quyết định, bà C, ông H khiếu nại việc UBND xã Đ lập danh sách truy thu người nộp thuế sử dụng đất không đúng pháp luật. Bà C, ông H cho rằng nguồn gốc thửa đất được ông, bà mua 1/2 suất đất giãn dân năm 1998 nên phải xác định đất do nhà nước giao để làm nhà ở lâu dài. Năm 2005, gia đình ông bà làm sổ đỏ và thông tin trên sổ đỏ ghi nhận đất do mua bán chuyển nhượng đất do nhà nước giao không phải nộp tiền sử dụng đất vào mục đích để ở.

Nhận thấy, bà Nguyễn Thị C. và chồng ông Trần Văn H đang sử dụng thửa đất số 61(2), tờ bản đồ số 23, diện tích 81m², mục đích sử dụng đất ở tại địa chỉ thôn 1, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/12/2005. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi nhận nguồn gốc sử dụng đất của gia đình bà C. với nội dung: “Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất. Nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Theo quy định của Luật đất đai, người sử dụng đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình sử dụng đất. Nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất là một trong những nghĩa vụ mà người sử dụng đất cần thực hiện trong quá trình sử dụng đất. Đối với đất ở, người sử dụng đất cần thực hiện nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp hàng năm theo quy định của Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 10 và Mục 3 của Luật Đất đai; Điều 4 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2012, thửa đất số 61(2), tờ bản đồ số 23, diện tích 81m², mục đích sử dụng đất ở tại địa chỉ thôn 1, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội thuộc đối tượng phải đóng thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Do đó, Quyết định số 13 xác định “nội dung khiếu nại của ông H, bà C. là sai” có căn cứ pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 30/01/2020 của UBND xã Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn

Thị C. và ông Trần Văn H (lần đầu) được ban hành đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền, có căn cứ pháp luật nên có giá trị pháp lý buộc các bên có liên quan phải tuân thủ và thực hiện. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T đã xử bác yêu cầu khởi kiện của bà C. là có căn cứ.

[4] Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, bà C. có yêu cầu Tòa án buộc UBND xã Đ xác nhận rõ nguồn gốc chủ sử dụng đất giao theo Nghị định 64/NĐ-CP cũng như cung cấp tài liệu hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất: Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 11, diện tích 1023m² tại xứ đồng V; Thửa đất số 405, tờ bản đồ số 10, diện tích 423m² tại xứ Đ để ông bà làm thủ tục xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Công văn số 65/UBND-ĐCXD ngày 22/4/2020 của UBND xã Đ đã cung cấp dữ liệu thông tin đất đai cho bà Nguyễn Thị C. và ông Trần Văn H. Như vậy, yêu cầu khởi kiện trên của bà C. đã được UBND xã Đ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền và phạm vi quản lý về đất đai của UBND cấp xã nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà C, Tòa án cấp sơ thẩm đã có sai sót khi nhận định yêu cầu nêu trên của bà C không liên quan đến vụ án này. Tuy nhiên, nhận thấy sai sót trên không ảnh hưởng đến bản chất vụ án và không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của các bên đương sự nên đề nghị cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về thiếu sót nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm và quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C yêu cầu UBND xã Đ xác nhận rõ nguồn gốc chủ sử dụng đất giao theo Nghị định 64/NĐ-CP cũng như cung cấp tài liệu hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất: Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 11, diện tích 1023m² tại xứ đồng V; Thửa đất số 405, tờ bản đồ số 10, diện tích 423m² tại xứ Đ.

[5] Về án phí: Tòa sửa một phần bản án sơ thẩm nên bà C. không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 241 Bộ luật Tố tụng hành chính;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị C. Sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm 03/2022/HC-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện T. Cụ thể:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 3 Điều 30, Điều 31, Điều 164 và Điều 204, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 17, 27, 28, 29, 30 Luật Khiếu nại; điểm a khoản 2 Điều 10, Mục 3 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C. gồm: Đề nghị hủy Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 30/01/2020 của UBND xã Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị C. và ông Trần Văn H (lần đầu); Yêu cầu UBND xã Đ xác nhận rõ nguồn gốc chủ sử dụng đất giao theo Nghị định 64/NĐ-CP cũng như cung cấp tài liệu hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất: Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 11, diện tích 1023m² tại xứ đồng V; Thửa đất số 405, tờ bản đồ số 10, diện tích 423m² tại xứ Đ.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C. phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí hành chính số 0062621 ngày 30/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, Thành phố Hà Nội.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị C. số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 62736 ngày 30/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

1. Các đương sự;
2. VKSND TP Hà Nội;
3. TAND huyện T;
4. VKSND huyện T;
5. Chi cục THA huyện T;
6. Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Thảo